

CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP VÀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Ban hành kèm theo Công văn số 2997/STP-HCTP&BTTP ngày 04/11/2024 của Sở Tư pháp)

I. TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

TT	Tên đơn vị	Số, ngày, tháng, năm thành lập	Địa chỉ tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Thời gian, kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp ¹	Số điện thoại	Website
1	Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 2797/QĐ-UBND ngày 15/9/2016	Số 34 đường Thanh Niên, phường Đồng Hải, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Chăn nuôi và Thú y	07 năm	(0232) 3822385	http://Chicucchan.nuoi.thuy.quangbinh.gov.vn
2	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 2795/QĐ-UBND ngày 15/9/2016	Số 92 đường Hữu Nghị, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Lâm nghiệp	07 năm	(0232) 3839771	http://Chicuckiemlam.quangbinh.gov.vn

¹ Tính đến thời điểm được quyết định công nhận

3	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình	Quyết định số 2783/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình	Số 64 đường Thanh Niên, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường	16 năm	(0232) 3859575; (0232) 2212152/ (0232) 3844792	http://ttqtkmt.stnmt@quangbinh.gov.vn
4	Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng- Sở Xây dựng	Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 14/9/2007	Số 59 đường Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Xây dựng	16 năm	(0232) 3851007	

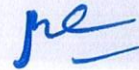
II. DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp ²	Chuyên ngành giám định	Năng lực chuyên môn nghiệp vụ
1	Lê Minh Trị	20/10/1980	Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường	Quản lý đất đai	18 năm	Đất đai	Thạc sĩ
2	Nguyễn Thế Vinh	23/06/1977	Phòng Quản lý đất đai – Sở Tài	Quản lý đất đai	19 năm	Đất đai	Thạc sĩ

² Tính đến thời điểm được quyết định công nhận

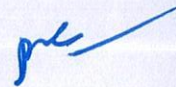


			nguyên và Môi trường				
3	Nguyễn Hữu Hiền	14/02/1976	Phòng Quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường	Quản lý đất đai	22 năm	Đất đai	Thạc sĩ
4	Trần Đình An	20/09/1979	Phòng Quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường	Quản lý đất đai	16 năm	Đất đai	Thạc sĩ
5	Lê Hồng Quân	03/08/1982	Phòng Quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường	Quản lý đất đai	12 năm	Đất đai	Thạc sĩ
6	Lương Phương Thảo	23/04/1988	Phòng Quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường	Quản lý đất đai	10 năm	Đất đai	Thạc sĩ
7	Phạm Quốc Trung	10/08/1990	Phòng Quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường	Quản lý đất đai	9 năm	Đất đai	Thạc sĩ
8	Lê Minh Hải	24/11/1977	Phòng Quản lý môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường	Quản lý Tài nguyên môi trường	15 năm	Môi trường	Thạc sĩ
9	Nguyễn Tư Toàn	12/02/1983	Phòng Khoáng sản, Khí tượng thủy văn – Sở Tài nguyên và Môi trường	Địa lý, Tài nguyên môi trường	15 năm	Khoáng sản	Thạc sĩ
10	Nguyễn Văn Hoà	12/11/1981	Phòng Khoáng sản, Khí tượng thủy văn – Sở Tài nguyên và Môi trường	Địa chất	15 năm	Khoáng sản	Cử nhân
11	Nguyễn Thị Bích Lành	14/11/1980	Phòng Khoáng sản, Khí tượng thủy văn – Sở Tài nguyên và Môi trường	Quản lý Tài nguyên môi trường	15 năm	Khí tượng thủy văn	Thạc sĩ
12	Hoàng Minh Tuấn	10/03/1970	Phòng Biển, Đảo và Tài nguyên nước-Sở Tài nguyên và	Phát triển nông thôn, cử nhân	30 năm	Tài nguyên	Thạc sĩ

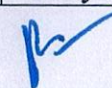


			Môi trường Quảng Bình	sinh học		nước	
13	Phan Đình Hùng	12/10/1983	Phòng Biển, Đảo và Tài nguyên nước – Sở Tài nguyên và Môi trường	Kinh tế thủy sản	12 năm	Biển và Hải đảo	Thạc sĩ
14	Lê Thanh Vũ	18/10/1975	Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám – Sở Tài nguyên và Môi trường	Quản lý đất đai	24 năm	Đo đạc và Bản đồ	Thạc sĩ
15	Trần Trung	08/11/1982	Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám – Sở Tài nguyên và Môi trường	Quản lý đất đai	15 năm 9 tháng	Đo đạc và Bản đồ	Thạc sĩ
16	Nguyễn Xuân Ngọc	21/5/1976	Sở Thông tin và Truyền thông	Viễn thông	15 năm	Viễn thông	Thạc sĩ
17	Nguyễn Thị Thu Lan	09/10/1977	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo chí, Xuất bản	20 năm	Báo chí, Xuất bản	Thạc sĩ
18	Phan Thị Nhung	13/6/1978	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo chí	23 năm	Báo chí	Thạc sĩ
19	Đặng Thị Huyền Loan	28/3/1980	Sở Thông tin và Truyền thông	Thông tin điện tử, Báo chí	05 năm	Thông tin điện tử, Báo chí	Cử nhân
20	Trần Thị Diện	10/10/1970	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu chính, Xuất bản	7 năm	Bưu chính, Xuất bản	Cử nhân
21	Lê Quang Hoạt	10/3/1973	Sở Thông tin và Truyền thông	Viễn thông	8 năm	Viễn thông	Thạc sĩ

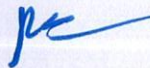
22	Nguyễn Thành Lê	14/3/1979	Sở Thông tin và Truyền thông	Công nghệ thông tin	14 năm	Công nghệ thông tin	Thạc sĩ
23	Từ Công Nghĩa Hạnh	5/9/1986	Sở Thông tin và Truyền thông	Công nghệ thông tin	12 năm	Công nghệ thông tin	Cử nhân
24	Lê Văn Thanh	06/5/1983	Sở Thông tin và Truyền thông	Thông tin điện tử, Xuất bản	05 năm	Thông tin điện tử, Xuất bản	Kỹ sư
25	Nguyễn Trung Thanh	21/9/1981	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu chính	05 năm	Bưu chính	Cử nhân
26	Trần Mạnh Tuấn	16/12/1987	Sở Thông tin và Truyền thông	Viễn thông	05 năm	Viễn thông	Thạc sĩ
27	Nguyễn Vĩnh Huê	21/11/1981	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông- Sở Thông tin và Truyền thông	Công nghệ thông tin	14 năm	Công nghệ thông tin	Thạc sĩ
28	Nguyễn Thanh Huy	27/11/1980	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông- Sở Thông tin và Truyền thông	Công nghệ thông tin	14 năm	Công nghệ thông tin	Kỹ sư
29	Nguyễn Thái Huy	8/2/1987	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông- Sở Thông tin và Truyền thông	Công nghệ thông tin	6 năm	Công nghệ thông tin	Cử nhân
30	Lê Quang Hòa	28/10/1987	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông- Sở Thông tin và Truyền thông	Công nghệ thông tin		Công nghệ	



			và Truyền thông		6 năm	thông tin	Thạc sĩ
31	Nguyễn Quang Hợp	16/10/1980	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện cơ giới đường bộ	06 năm	Phương tiện cơ giới đường bộ	Thạc sĩ
32	Đình Quang Phúc	24/11/1986	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện cơ giới đường bộ	06 năm	Phương tiện cơ giới đường bộ	Kỹ sư
33	Đặng Văn Xuân	12/7/1981	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện thủy nội địa	10 năm	Phương tiện cơ giới đường bộ	Kỹ sư
34	Phạm Châu Tuấn	16/8/1987	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện thủy nội địa	06 năm	Phương tiện cơ giới đường bộ	Kỹ sư
35	Đặng Văn Tuấn	15/12/1976	Sở Giáo dục và đào tạo	Giáo dục và đào tạo	22 năm	Lịch sử	Thạc sĩ
36	Hoàng Việt Thông	08/3/1974	Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thủy sản, Phát triển nông thôn	25 năm	Thủy sản, Phát triển nông thôn	Thạc sĩ
37	Lê Văn Thảo	10/03/1974	Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý Thủy sản	19 năm	Quản lý Thủy sản	Thạc sĩ
38	Mai Việt Hưng	30/11/1979	Chi cục Thủy lợi –	Thủy lợi	19 năm	Thủy lợi	Kỹ sư



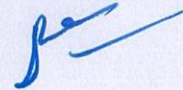
			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
39	Lê Tiến Dũng	16/7/1973	Chi cục Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thủy lợi	16 năm	Thủy lợi	Kỹ sư
40	Trần Mạnh Luật	16/01/1972	Chi cục Kiểm lâm- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Luật	29 năm	Luật	Thạc sĩ
41	Trịnh Minh Long	10/5/1981	Chi cục Kiểm lâm- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	16 năm	Lâm nghiệp	Thạc sĩ
42	Nguyễn Tuấn Anh	25/8/1982	Chi cục Kiểm lâm- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	16 năm	Lâm nghiệp	Thạc sĩ
43	Nguyễn Thành Tây	20/6/1987	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	7 năm	Lâm nghiệp	Thạc sĩ
44	Phạm Hoàng Hà	11/6/1986	Chi cục Kiểm lâm- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	14 năm	Lâm nghiệp	Thạc sĩ
45	Nguyễn Duy Nam	20/5/1983	Chi cục Kiểm lâm- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	16 năm	Lâm nghiệp	Thạc sĩ
46	Phan Văn Hoàng	08/11/1979	Chi cục Kiểm lâm- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	22 năm	Lâm nghiệp	Kỹ sư
47	Hoàng Chí Thanh	13/4/1992	Chi cục Kiểm lâm-	Lâm nghiệp	7 năm	Lâm	Thạc sĩ



			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			ng nghiệp	
48	Đinh Huy Trí	30/6/1973	Ban QL VQG Phong Nha – Kẻ Bàng	Lâm nghiệp	26 năm	Lâm nghiệp	Thạc sĩ
49	Nguyễn Quang Vĩnh	05/12/1978	Ban QL VQG Phong Nha – Kẻ Bàng	Lâm nghiệp	20 năm	Lâm nghiệp	Thạc sĩ
50	Nguyễn Anh Dũng	27/7/1980	Chi cục Chăn nuôi và Thú y- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chăn nuôi	10 năm	Chăn nuôi	Thạc sĩ
51	Trần Thị An Phương	09/4/1986	Chi cục Chăn nuôi và Thú y- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thú y	12 năm	Thú y	Cử nhân
52	Phan Thị Thu Hiền	13/8/1986	Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thú y	11 năm	Thú y	Cử nhân
53	Nguyễn Hoàng Minh	15/3/1986	Chi cục Trồng trọt và BVTV- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trồng trọt	12 năm	Trồng trọt	Kỹ sư
54	Trần Văn Hiếu	07/12/1987	Chi cục Trồng trọt và BVTV- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bảo vệ thực vật	12 năm	Bảo vệ thực vật	Kỹ sư
55	Đinh Văn Chi	24/02/1984	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trồng trọt	12 năm	Trồng trọt	Kỹ sư
56	Trần Hải Phú	16/6/1972	Thanh tra tỉnh	Kinh tế	27 năm	Thanh tra	Kỹ sư

57	Đoàn Anh Đức	10/12/1973	Thanh tra tỉnh	Kinh tế	13 năm	Phòng, chống tham nhũng	Cử nhân
58	Mai Đức Vinh	31/10/1972	Phòng Quản lý Giá, Công sản và Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính	Tài chính	28 năm	Tài sản công	Cử nhân
59	Phạm Thị Thu Hằng	05/9/1989	Thanh tra Sở Tài chính	Kế toán- Kiểm toán	09 năm	Kế toán- Kiểm toán	Thạc sĩ
60	Phùng Thị Hoa	13/12/1985	Phòng Quản lý Công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ	Kỹ thuật máy và thiết bị	12 năm	Công nghệ, thiết bị, sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử	Thạc sĩ
61	Trương Tấn Hùng	12/6/1980	Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – Sở Khoa học và Công nghệ	Địa chất kỹ thuật	20 năm	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Cử nhân
62	Nguyễn Thị Hồng Luyến	20/12/1976	Phòng Hành chính tư pháp và Hỗ trợ tư pháp - Sở Tư pháp	Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực, Nuôi con nuôi, Lý lịch tư pháp	07 năm	Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực, Nuôi con nuôi, Lý	Thạc sĩ Luật

						lịch tư pháp	
63	Dương Thị Như Quỳnh	25/12/1983	Phòng Hành chính tư pháp và Bổ trợ tư pháp - Sở Tư pháp	Bổ trợ tư pháp	10 năm	Bổ trợ tư pháp	Cử nhân Luật
64	Nguyễn Bá Thành	25/8/1978	Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư pháp	Trợ giúp pháp lý	21 năm	Trợ giúp pháp lý	Cử nhân Luật
65	Phan Trọng Hùng	20/02/1984	Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư pháp	Trợ giúp pháp lý	16 năm	Trợ giúp pháp lý	Thạc sĩ Luật
66	Trà Đình Phúc	07/4/1975	Phòng công chứng số 1 - Sở Tư pháp	Công chứng	26 năm	Công chứng	Thạc sĩ Luật
67	Hoàng Thị Mộng Trinh	02/7/1992	Phòng công chứng số 1	Công chứng	07 năm	Công chứng	Thạc sĩ Luật
68	Nguyễn Thị Thanh Minh	14/4/1982	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản - Sở Tư pháp	Đấu giá tài sản	16 năm	Đấu giá tài sản	Thạc sĩ Luật kinh tế
69	Phan Thị Việt Huyền	15/11/1989	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	10 năm	Đấu giá tài sản	Cử nhân Luật
70	Lê Thị Lan	12/7/1990	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản - Sở Tư pháp	Đấu giá tài sản	08 năm	Đấu giá tài sản	Cử nhân Luật
71	Nguyễn Đức Tuấn	21/11/1983	Phòng Xây dựng, Kiểm tra văn bản QPPL và Theo dõi thi hành pháp luật - Sở Tư pháp	Xây dựng văn bản QPPL	14 năm	Văn bản QPPL	Cử nhân Luật
72	Trần Ngô Thùy	20/10/1984	Phòng Xây dựng, Kiểm tra văn	Xây dựng văn	11 năm		Cử nhân



	Linh		bản QPPL và Theo dõi thi hành pháp luật - Sở Tư pháp	bản QPPL		Văn bản QPPL	Luật
73	Đỗ Thị Ngọc Thúy	04/02/1990	Phòng Xây dựng, Kiểm tra văn bản QPPL và Theo dõi thi hành pháp luật - Sở Tư pháp	Theo dõi thi hành PL và xử lý VPHC	10 năm	Theo dõi THPL và xử lý VPHC	Cử nhân Luật
74	Đặng Văn Tuấn	15/12/1976	Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo	Thạc sỹ Lịch sử	22 năm	Giáo dục và đào tạo	Thạc sỹ

